TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn C, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 031091003436; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, Minh Tân, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thuỳ N, sinh năm 1994; căn cước công dân số: 031194012830; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 4, Minh Tân, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Quyết Tiến, phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 03 tháng 3 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày:

Anh Lê Văn C kết hôn với chị Đỗ Thuỳ N trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, nay là phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 8 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong lao C làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa anh và chị N đã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thuỳ N. Anh và chị N có 02 con chung tên Lê V, sinh ngày 03/8/2012; Lê Văn M, sinh ngày 04/5/2017. Khi ly hôn anh C xin được trực tiếp nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do anh và chị N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thuỳ N có nơi cư trú tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho chị Đỗ Thuỳ N nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị N vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Lê Văn C.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N. Giao 02 con chung tên Lê V, sinh ngày 03/8/2012; Lê Văn M, sinh ngày 04/5/2017 cho chị Đỗ Thuỳ N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú, Bản tự khai, Đơn đề nghị nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đỗ Thuỳ N cư trú tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đỗ Thuỳ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thuỳ N.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thuỳ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do, thể hiện chị N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh C và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Lê Văn C được ly hôn chị Đỗ Thuỳ N.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N có 02 con chung tên Lê V, sinh ngày 03/8/2012; Lê Văn M, sinh ngày 04/5/2017. Khi ly hôn anh C xin được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét anh Lê Văn C đang trực tiếp nuôi hai con chung và vẫn đảm bảo về mọi mặt, các cháu Lê V và Lê Văn M đều có nguyện vọng ở với bố nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N tự thoả thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Văn C khai anh và chị Đỗ Thuỳ N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án

chị N không trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn C và chị Đỗ Thuỳ N

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Văn M, sinh ngày 04/5/2017; Lê V, sinh ngày 03/8/2012; cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Văn C và anh Đỗ Thuỳ N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003011 ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Lê Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thuỳ N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà